TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2020/QĐST – HNGĐ	*Quận 2, ngày 26 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 537/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1977

2. Bà Trần Thị Hồng Th, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 314 Lô B, Chung cư T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Văn U và và Trần Thị Hồng Th có yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của ông U và bà T là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 18/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị Hồng Th là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông U và bà Thi kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không có sự quan tâm,

chia sẻ lẫn nhau. Ngoài ra ông U thường xuyên ăn nhậu, cá độ, chửi bới vợ con, cả hai không tìm được nói tiếng chung. Ông U và bà T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông U và bà T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông U, bà Thi cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông U và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Anh Kh (Nam), sinh ngày 07/10/2017. Ông U và bà Thi cùng thỏa thuận giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông U đồng ý cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 05/4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông U và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông U tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông U, bà T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông U, bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị Hồng Th thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 18/11/2017 Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định).

- Về con chung: Ông U và bà T cùng thỏa thuận giao 01 con chung tên Nguyễn Anh K (Nam), sinh ngày 07/10/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông U không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông U và bà T tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Văn U tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà ông U đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0027007 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 02/12/2019. Ông U đã nộp đủ lệ phí, bà Thi không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- UBND phường T, Quận 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Thực